

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K - TỈNH NINH BÌNH

Các Hội thẩm nhân dân:

ông Vũ Xuân Dự.
ông Trần Văn Nghi.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt tại phiên tòa.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

+ Chị Trần Thị Mỹ D2, sinh năm 2003; nơi cư trú: xóm 11, xã C, huyện K, tỉnh Ninh Bình “vắng mặt”.

+ Anh Phạm Tiến L1, sinh năm 1996; nơi cư trú: xóm 16, xã Q, huyện K, tỉnh Ninh Bình “có mặt”.

+ Anh Phạm Thanh P, sinh năm 2003; nơi cư trú: xóm 2, xã H, huyện K, tỉnh Ninh Bình “vắng mặt”.

+ Chị Phạm Thùy D3, sinh năm 1996; nơi cư trú: xóm 6, phường 9, thành phố T, tỉnh T “vắng mặt”.

+ Chị Trần Thị T1, sinh năm 1987; nơi cư trú: xóm 13, xã Q, huyện K, tỉnh Ninh Bình “vắng mặt”.

+ Chị Phạm Việt H1, sinh năm 2001; nơi cư trú: xóm 1, xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình “vắng mặt”.

- Người làm chứng: anh Trần Minh T2, chị Tạ Thị Bích N và chị Phạm Thị Thu H2 (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Phạm Thành L và chị Trần Thị Mỹ D2 có mối quan hệ bạn học từ trước. Khoảng tháng 12/2021, do cần tiền nên chị D2 đã hỏi vay tiền L có lãi suất. L nảy sinh ý định cho chị D2 vay với mức lãi suất cao để thu lợi bất chính. L thỏa thuận cho chị D2 vay với các mức lãi suất 7.000đồng/1triệu/1ngày tương ứng 252%/1 năm; 8.000đồng/1triệu/1ngày tương ứng 288%/1 năm; 40.000đồng/1triệu/1ngày tương ứng 1.440%/1 năm; 60.000đồng/1triệu/1ngày tương ứng 2.160%/1 năm và 100.000đồng/1triệu/1ngày tương ứng 3.600%/1 năm. Thời hạn trả gốc và lãi sẽ theo thời hạn của từng khoản vay. Thời hạn vay thường là 30 ngày và sẽ cắt lãi trước một nửa số tiền lãi phải trả. Nếu quá thời hạn vay đã thỏa thuận thì người vay phải trả lãi quá hạn tương ứng với mức lãi suất trong hạn đã thỏa thuận, chị D2 đồng ý. Về cách thức giao dịch, L sử dụng điện thoại nhãn hiệu Iphone 11 ProMax liên lạc để nhắn tin với chị D2 qua ứng dụng Messenger. Mỗi lần có nhu cầu vay tiền chị D2 nhắn tin trao đổi với L về số tiền vay và thời hạn vay. L nhắn tin lại để thỏa thuận mức lãi, thời hạn trả lãi và gốc. Sau đó L sử dụng tài khoản ngân hàng BIDV số 48810000527993 và tài khoản ngân hàng Techcombank số 190371975445013 của mình để giao dịch chuyển, nhận gốc, lãi của các khoản tiền chị D2 vay, trong đó có 01 lần giao dịch bằng tiền mặt. Chị D2 sử dụng tài khoản ngân hàng BIDV số 48810000564051 để giao dịch với L.

Ngoài ra chị D2 còn sử dụng một số tài khoản khác của người khác để giao dịch.

Về nguồn tiền cho chị D2 vay, ngoài tiền của cá nhân, L còn sử dụng tiền của chú họ là Phạm Tiến L1, sinh năm 1996, trú tại xóm 16, xã Q, huyện K và mẹ đẻ là Nguyễn Thị H cung cấp. Giữa L với L1 và L với H có sự thoả thuận đối với từng khoản vay với các mức lãi suất khác nhau. L đăng nhập vào tài khoản Zalo “Phạm Thành L” đăng ký bằng số điện thoại 0868454383 nhắn tin, gọi điện đến tài khoản “Má Mi” đăng ký bằng số điện thoại 09142726xx của H. L và H thoả thuận H cung cấp tiền cho L để cho chị D2 vay với lãi suất 7.000đồng/1triệu/1ngày, trong đó H được hưởng tiền lãi 5.000đồng/1triệu/1ngày, L được hưởng tiền lãi 2.000đồng/1triệu/1ngày. Sau đó, H sử dụng tài khoản ngân hàng MB Bank số 1510124688002 chuyển tiền cho L. Khi nhận được tiền trả gốc và lãi của chị D2, L sẽ tính toán và chuyển lại vào số tài khoản của H. Việc trao đổi, giao dịch giữa L và L1 thông qua tin nhắn Messenger và các số tài khoản ngân hàng BIDV số 21510002705740, MB Bank số 2626667898888 của L1.

Với phương thức, thủ đoạn trên từ ngày 21/12/2021 đến ngày 10/10/2022, Phạm Thành L đã cho chị Trần Thị Mỹ D2 vay tổng số 10 lần. Trong đó, Nguyễn Thị H đã 07 lần cung cấp tổng số 470.000.000đồng để L cho chị D2 vay. Cụ thể như sau:

- **Lần thứ 1:** ngày 21/12/2021, chị D2 nhắn tin hỏi L vay 40.000.000đồng. L đồng ý và yêu cầu chị D2 viết 02 giấy vay tiền (mỗi giấy 20.000.000 đồng) và đưa căn cước công dân của D2 cho L, thoả thuận mức lãi suất cho vay là 8.000đồng/1triệu/1ngày, thời hạn vay 30 ngày. L cắt trước tiền lãi của 15 ngày 4.800.000đồng. Do đó, L chuyển cho chị D2 35.200.000đồng. Ngoài tiền L có, L1 chuyển cho L 20.000.000đồng để cho chị D2 vay. Cả hai thoả thuận L sẽ trả lãi cho L1 5.000đồng/1triệu/1ngày tương ứng 180%/năm, L được hưởng 3.000đồng/1triệu/1ngày. L1 chỉ biết L cho vay với mức 8.000đồng/1triệu/1ngày, không biết L cho D2 vay 40.000.000đồng. Hồi 11 giờ 21 phút cùng ngày, L1 chuyển khoản cho L 20.000.000đồng. Sau khi nhận được tiền, hồi 11 giờ 42 phút cùng ngày, L chuyển khoản cho chị D2 số tiền 35.200.000 đồng đã trừ số tiền lãi theo thoả thuận vay.

Đến hồi 18 giờ 09 phút ngày 20/01/2022, chị D2 đã chuyển khoản trả cho L số tiền 44.800.000đồng gồm 40.000.000đồng tiền gốc và 4.800.000đồng tiền lãi của 15 ngày vay còn lại. Sau đó L trả lại căn cước công dân cho chị D2 và hủy giấy vay. Hồi 18 giờ 14 phút cùng ngày, L chuyển đến tài khoản ngân hàng MB Bank của L1 34.600.000đồng, gồm 20.000.000đồng tiền gốc; 3.000.000đồng tiền lãi và 11.600.000đồng là tiền L nợ riêng L1 trước đó không có lãi suất.

Như vậy, tại khoản vay này chị D2 đã trả số tiền lãi của 30 ngày vay

9.600.000đồng, trong đó L được hưởng 6.600.000đồng, L1 được hưởng 3.000.000đồng. Số tiền lãi chị D2 phải trả tối đa theo quy định của pháp luật là 657.534 đồng, L đang quản lý 452.055 đồng, L1 đang quản lý 205.479 đồng. Số tiền L thu lợi bất chính 8.942.466 đồng, L đang quản lý 6.147.945 đồng, L1 đang quản lý 2.794.521 đồng. Số tiền thu lợi bất chính L1 phải chịu trách nhiệm hình sự trên tổng số tiền 20.000.000 đồng cho vay là 4.471.233 đồng.

- **Lần thứ 2:** Ngày 11/02/2022, chị D2 nhắn tin vay L 40.000.000đồng. L yêu cầu chị D2 viết 01 giấy vay tiền đưa cho L, thỏa thuận mức lãi suất cho vay 7.000đồng/1 triệu/1 ngày, thời hạn vay là 30 ngày. L cắt trước tiền lãi của 15 ngày 4.200.000đồng. L đưa cho chị D2 35.800.000 đồng. Số tiền này do Nguyễn Thị H cung cấp cho L, L nhận tiền mặt từ H, sau đó giao tiền cho chị D2 tại nhà ở xóm 16, xã Q, huyện K. Hồi 16 giờ 47 phút ngày 12/3/2022, chị D2 chuyển khoản trả cho L 4.500.000đồng gồm 4.200.000đồng tiền lãi của 15 ngày còn lại và 300.000đồng tiền chị D2 cho L. Hồi 12 giờ 37 phút ngày 14/3/2022, Hà nhắn tin qua ứng dụng Zalo giục L thông báo cắt lãi của khoản vay này cho chị D2. Sau đó, hồi 18 giờ 12 phút ngày 16/3/2022 L dùng 4.200.000đồng chuyển trả trước tiền lãi cho H.

Đến hồi 18 giờ 33 phút ngày 22/3/2022, chị D2 chuyển khoản trả cho L 7.000.000đồng gồm 2.800.000đồng tiền lãi quá hạn 10 ngày vay của khoản vay số 2 này và 4.200.000đồng tiền lãi của 15 ngày của khoản vay lần thứ 4. Tiền gốc chị D2 chưa trả 40.000.000đồng. Ngày 22/3/2022, chị D2 và L thống nhất chuyển tiền gốc này thành tiền gốc của khoản vay số 4 bắt đầu từ ngày 22/03/2022. Trong các ngày 20/3/2022, 22/3/2022 và 23/3/2022, H liên tục nhắn tin Zalo cho L giục L đòi chị D2 thanh toán nợ gốc. Để H tin tưởng, L nói dối H là đã thông báo 02 ngày chị D2 chậm nợ L sẽ phạt 500.000đồng và thông báo cho H đổi thành khoản vay mới, nhắc lại về mức lãi suất H được hưởng. Đồng thời L cũng nhắc lại về lãi suất mà H được hưởng ở khoản vay này là 6.000.000đồng, L đã chuyển cho H 4.200.000đồng, còn thiếu 1.800.000đồng tiền lãi và 500.000đồng tiền phạt D2. Trong nội dung nhắn tin Zalo ngày 23/3/2023, L đã gửi ảnh chụp màn hình cuộc hội thoại giữa L với chị D2 với tên tài khoản là “Trần Thị Mỹ D2” cho H biết. Hồi 09 giờ 50 phút ngày 23/3/2022, L chuyển khoản trả cho H số tiền lãi và phạt còn thiếu là 2.300.000đồng.

Như vậy, tại khoản vay này chị D2 đã trả cho L số tiền lãi của 40 ngày vay là 11.200.000đồng, trong đó L được hưởng 500.000đồng, H được hưởng 10.700.000đồng, H được hưởng lãi cao hơn thỏa thuận. Tiền lãi chị D2 phải trả tối đa theo quy định 876.712đồng, L đang quản lý 39.139 đồng, H đang quản lý 837.573đồng. Số tiền L và H cùng thu lợi bất chính 10.323.288đồng, L đang quản lý 460.861 đồng, H đang quản lý 9.862.427đồng.

- **Lần thứ 3:** Ngày 25/02/2022, chị D2 nhắn tin vay L 40.000.000đồng, L yêu

cầu chị D2 viết 01 giấy vay tiền, thỏa thuận mức lãi suất 7.000đồng/1triệu/1ngày, thời hạn vay 30 ngày, L cắt trước tiền lãi của 15 ngày 4.200.000đồng. Sau khi trao đổi qua nhắn tin Zalo với H, hồi 10 giờ 35 phút cùng ngày, H chuyển khoản cho L 35.800.000đồng. Đến hồi 10 giờ 41 phút cùng ngày, L chuyển khoản cho chị D2 35.800.000đồng. Hồi 14 giờ 52 phút ngày 31/3/2022, chị D2 sử dụng tài khoản ngân hàng VPBank số 0916505106, là tài khoản của bạn D2 để chuyển trả cho L 45.600.000đồng, gồm 40.000.000đồng tiền gốc, 4.200.000đồng tiền lãi của 15 ngày vay còn lại và 1.400.000đồng tiền lãi quá hạn 05 ngày tính từ ngày 26/3/2022 đến ngày 31/3/2022. Hồi 16 giờ 17 phút cùng ngày, L chuyển cho H 41.800.000đồng, gồm tiền gốc và tiền lãi H được hưởng.

Như vậy, tại khoản vay này chị D2 đã trả cho L số tiền lãi của 35 ngày vay là 9.800.000đồng, L được hưởng 3.800.000đồng, Hà được hưởng 6.000.000đồng. Số tiền lãi chị D2 phải trả tối đa theo quy định 767.123 đồng, L đang quản lý 297.456đồng; H đang quản lý 469.667đồng. Số tiền L và H cùng thu lợi bất chính 9.032.877đồng, L đang quản lý 3.502.544đồng; Hà đang quản lý 5.530.333đồng.

- **Lần thứ 4:** Do khoản vay lần thứ 2 chị D2 còn nợ gốc 40.000.000đồng nên sau khi trả tiền lãi khoản vay thứ 2, ngày 22/3/2022 chị D2 và L thống nhất chuyển số tiền gốc này thành tiền gốc của khoản vay thứ 4 bắt đầu từ ngày 22/3/2022 với mức lãi suất 7.000đồng/1 triệu/1 ngày, thời hạn vay 30 ngày. L thống nhất chị D2 phải trả trước số tiền lãi của 15 ngày vay 4.200.000đồng. Nội dung thỏa thuận chuyển đổi khoản vay và tiếp tục sử dụng tiền của H cho D2 vay khoản vay này, L đã nhắn tin Zalo thỏa thuận với Hà từ lúc Hà giục L đòi nợ chị D2 từ khoản vay thứ 2 nêu trên. Hồi 18 giờ 33 phút ngày 22/3/2022, chị D2 đã chuyển trả cho L 4.200.000đồng là tiền lãi 15 ngày cắt trước của khoản vay lần thứ 4 này. Ngày 23/04/2022, L nhắn tin Zalo thông báo cho H lịch hẹn thanh toán của chị D2 đối với khoản vay này. Tính đến ngày 22/5/2022, chị D2 phải trả cho L tiền gốc 40.000.000đồng, tiền lãi của 15 ngày vay còn lại 4.200.000đồng và tiền lãi quá hạn của 30 ngày vay 8.400.000đồng tính từ ngày 22/4/2022 đến ngày 22/5/2022. Tổng cộng cả tiền gốc và tiền lãi 52.600.000đồng. Hồi 19 giờ 12 phút ngày 22/5/2022, chị D2 đã chuyển trả L 52.500.000đồng, thiếu 100.000đồng, sau này L đã cho D2. Hồi 01 giờ 41 phút ngày 23/05/2022, L chuyển trả cho H 44.700.000đồng, gồm 40.000.000đồng tiền gốc và 4.700.000đồng tiền lãi H được hưởng. Ngày 24/5/2022, L nhắn tin Zalo trao đổi với H về nội dung tính tiền lãi, tiền gốc của khoản vay này.

Như vậy, tại khoản vay này tiền lãi chị D2 phải trả cho L theo thỏa thuận 16.700.000đồng, trừ 100.000 đồng (L không tính). Trong đó, L được hưởng 12.000.000đồng, H được hưởng 4.700.000 đồng. Số tiền lãi chị D2 phải trả tối đa theo quy định 1.315.068đồng, L đang quản lý 944.959đồng, H đang quản lý

370.109đồng. Số tiền L và H cùng thu lợi bất chính 15.384.932đồng, L đang quản lý 11.055.041đồng, H quản lý 4.329.891đồng.

- **Lần thứ 5:** Ngày 01/4/2022, chị D2 nhắn tin vay L 40.000.000đồng, thỏa thuận mức lãi suất cho vay 7.000đồng/1triệu/1ngày, thời hạn vay 30 ngày. L cắt trước tiền lãi của 15 ngày 4.200.000đồng. Hồi 13 giờ 20 phút cùng ngày, H chuyển đến tài khoản của L số tiền 35.800.000đồng. L và H nhắn tin qua Zalo xác nhận giao dịch, trao đổi về việc cho vay và H dặn dò L cách quản lý, ghi nhớ liên quan đến việc cho vay. Đến hồi 13 giờ 22 phút cùng ngày, L chuyển đến tài khoản chị D2 cung cấp 35.800.000đồng, là tài khoản chị D2 mượn của bạn là Phạm Thị Thu Huyền để giao dịch. Từ 20 giờ 29 phút đến 21 giờ 03 phút ngày 23/5/2022, chị D2 chuyển 02 lần trả cho L tổng số 50.640.000đồng, gồm 40.000.000đồng tiền gốc, tiền lãi của 15 ngày còn lại 4.200.000đồng và tiền lãi quá hạn của 23 ngày vay 6.440.000đồng tính từ ngày 01/5/2022 đến ngày 23/5/2022. Hồi 22 giờ 12 phút cùng ngày, L chuyển trả cho H 46.000.000đồng gồm 35.800.000đồng tiền gốc và 10.200.000đồng tiền lãi mà H được hưởng.

Như vậy, tại khoản vay này chị D2 đã trả cho L số tiền lãi của 53 ngày vay là 14.840.000đồng, L được hưởng 4.640.000đồng, H được hưởng 10.200.000đồng. Số tiền lãi chị D2 phải trả tối đa theo quy định 1.161.644đồng, L đang quản lý 363.209đồng, Hà đang quản lý 798.435đồng. Số tiền L và H cùng thu lợi bất chính 13.678.356đồng, L đang quản lý 4.276.785đồng, H đang quản lý 9.401.571đồng.

- **Lần thứ 6:** Ngày 10/4/2022, chị D2 nhắn tin vay L 40.000.000đồng, thỏa thuận vay 05 ngày, tiền lãi 8.000.000đồng, tương đương với lãi suất 40.000đồng/1triệu/1ngày. Thống nhất L cắt lãi trước 3.000.000đồng nên chỉ chuyển cho chị D2 tiền gốc vay 37.000.000đồng. Hồi 15 giờ 28 phút cùng ngày, H chuyển cho L 20.000.000đồng, L nhắn tin xác nhận. Hồi 15 giờ 43 phút ngày 10/4/2022, L chuyển đến tài khoản BIDV số 48810000596416 do D2 cung cấp 37.000.000đồng, trong đó 20.000.000đồng là tiền của Hà và 17.000.000đồng là tiền của L. Tại khoản vay này H chỉ biết D2 vay 20.000.000đồng, không biết L cho D2 vay thêm 17.000.000đồng. Ngày 13/4/2022, H nhắn tin giục L đòi tiền của chị D2 đã vay, L gửi ảnh chụp nội dung tin nhắn Messenger trao đổi giữa L với chị D2 cho H. Đến hồi 21 giờ 07 phút ngày 14/4/2022, chị D2 sử dụng tài khoản ngân hàng MB Bank số 3333222222386, (tài khoản bạn D2) chuyển trả cho L 45.000.000đồng, gồm 40.000.000đồng tiền gốc và 5.000.000đồng tiền lãi còn lại. Hồi 21 giờ 31 phút cùng ngày L chuyển cho H 22.000.000đồng gồm 20.000.000đồng tiền gốc và 2.000.000đồng tiền lãi H được hưởng, sau đó H nhắn tin đã nhận được tiền với L.

Như vậy, tại khoản vay này chị D2 đã trả cho L tiền lãi của 05 ngày vay 8.000.000 đồng, L được hưởng 6.000.000 đồng, H được hưởng 2.000.000 đồng. Số

tiền lãi chị D2 phải trả tối đa theo quy định là 109.589 đồng, L đang quản lý 82.192 đồng, H đang quản lý 27.397 đồng. Số tiền L thu lợi bất chính 7.890.411 đồng, L đang quản lý 5.917.808 đồng, H đang quản lý 1.972.603 đồng. Số tiền thu lợi bất chính H phải chịu trách nhiệm hình sự trên tổng số tiền cho vay 20.000.000 đồng là 3.945.205 đồng.

- **Lần thứ 7:** Ngày 02/6/2022, chị D2 nhắn tin vay L 80.000.000đồng, thỏa thuận lãi suất 7000đồng/1triệu/1ngày, thời hạn vay 30 ngày, số tiền lãi phải trả 16.800.000đồng. Thống nhất L cắt lãi trước toàn bộ số tiền lãi của 30 ngày vay và chỉ chuyển cho chị D2 vay gốc 63.200.000đồng. Sau đó hồi 12 giờ 44 phút cùng ngày, L nhắn tin Zalo cho H, cả hai thống nhất về thời hạn và tổng số tiền chuyển cho chị D2 vay. Đến hồi 13 giờ 27 phút cùng ngày, H chuyển đến tài khoản của L 63.200.000đồng. Sau đó hồi 13 giờ 29 phút cùng ngày, L chuyển đến tài khoản của chị D2 63.200.000đồng. Khi đến thời hạn phải trả khoản vay, ngày 03/7/2022 và ngày 11/7/2022 H nhắn tin cho L giục chị D2 thanh toán khoản vay trên. Hồi 22 giờ 58 phút ngày 12/7/2022, chị D2 chuyển trả cho L 85.600.000đồng, gồm 80.000.000đồng tiền gốc và 5.600.000đồng tiền lãi quá hạn của 10 ngày vay tính từ ngày 02/7/2022 đến ngày 12/7/2022 (L không cho H biết việc thu thêm khoản lãi quá hạn này). Hồi 10 giờ 17 phút ngày 13/7/2022, H tiếp tục nhắn tin giục L gọi cho chị D2 lấy tiền, L thông báo đã nhận được tiền và hỏi mượn của H 15.000.000đồng trong tổng số tiền phải chuyển cho H là 75.200.000đồng, gồm 63.200.000đồng tiền gốc và 12.000.000đồng tiền lãi H được hưởng, H đồng ý. Hồi 10 giờ 24 phút ngày 13/7/2022, L chuyển khoản cho H 60.200.000đồng.

Như vậy, tại khoản vay này chị D2 đã trả cho L tiền lãi của 40 ngày vay là 22.400.000đồng, L được hưởng 10.400.000đồng, H được hưởng 12.000.000 đồng. Số tiền lãi chị D2 phải trả tối đa theo quy định 1.753.425 đồng, L đang quản lý 814.090 đồng, H đang quản lý 939.335 đồng. L thu lợi bất chính 20.646.575 đồng, L đang quản lý 9.585.908 đồng, H đang quản lý 11.060.667 đồng. Số tiền thu lợi bất chính H phải chịu trách nhiệm hình sự đối với thời hạn tính lãi 30 ngày vay là 15.484.931 đồng.

- **Lần thứ 8:** Ngày 18/7/2022, chị D2 nhắn tin thỏa thuận vay L 50.000.000đồng, lãi suất 7.000đồng/1triệu/1ngày, thời hạn vay là 30 ngày, số lãi phải trả 10.500.000đồng. Thống nhất L cắt trước lãi 5.000.000đồng và chuyển cho chị D2 tiền gốc 45.000.000đồng. Hồi 09 giờ 57 phút cùng ngày, L nhắn tin Zalo thống nhất với H nội dung về số tiền cho chị D2 vay, mức lãi suất và số tiền lãi mỗi người được hưởng. Đến hồi 17 giờ 41 phút cùng ngày, H chuyển cho L 45.000.000đồng. Hồi 17 giờ 41 phút cùng ngày, L chuyển đến tài khoản của chị D2 45.000.000đồng. Hồi 21 giờ 26 phút ngày 26/8/2022, chị D2 chuyển khoản trả cho L tiền gốc 50.000.000đồng. Hồi

16 giờ 35 phút ngày 27/8/2022, L chuyển trả cho H 54.000.000đồng, gồm 45.000.000đồng tiền gốc và 9.000.000đồng tiền lãi. Hồi 18 giờ 42 phút ngày 04/9/2022, chị D2 chuyển trả cho L số tiền 9.000.000 đồng gồm 5.500.000đồng là tiền lãi trong thời hạn còn thiếu và 3.500.000đồng tiền lãi quá hạn của 10 ngày vay tính từ ngày 19/8/2022 đến ngày 29/8/2022. Do trước đó L đã chuyển trước cho H tiền gốc và lãi mà H được hưởng của khoản vay này nên số tiền này L giữ lại cho cá nhân.

Như vậy, tại khoản vay này chị D2 đã trả cho L số tiền lãi của 40 ngày vay là 14.000.000đồng, L được hưởng 5.000.000đồng, H được hưởng 9.000.000đồng. Số tiền lãi chị D2 phải trả tối đa theo quy định 1.095.890đồng, L đang quản lý 391.389đồng, Hà đang quản lý 704.501đồng. Số tiền L và H cùng thu lợi bất chính 12.904.110đồng, L đang quản lý 4.608.608đồng, H đang quản lý 8.295.502đồng.

- **Lần thứ 9:** Ngày 04/9/2022, chị D2 nhắn tin cho L vay nóng 50.000.000đồng, thoả thuận vay thời hạn 01 ngày với số lãi 3.000.000đồng tương ứng với lãi suất 60.000đồng/1triệu/1ngày. L đồng ý chuyển đủ cho chị D2 50.000.000đồng. Do chỉ có 10.000.000đồng nên L đã hỏi mượn của Phạm Tiến L1 40.000.000đồng, không lãi suất (L1 không biết việc D2 vay tiền). Hồi 20 giờ 58 phút cùng ngày, L1 chuyển cho L 40.000.000đồng. Hồi 21 giờ 17 phút cùng ngày, L chuyển cho chị D2 50.000.000 đồng nêu trên. Ngày 06/9/2022, L và chị D2 thống nhất chuyển số tiền gốc 50.000.000đồng thành khoản vay 30 ngày tính lãi từ ngày 05/9/2022 với mức lãi suất 7.000đồng/1triệu/1ngày, thời hạn vay 30 ngày, số tiền lãi phải trả 10.500.000đồng, chị D2 chỉ đồng ý trả lãi là 10.000.000đồng. Hồi 20 giờ 56 phút ngày 06/9/2022, chị D2 sử dụng tài khoản ngân hàng TP Bank số 0375445801 (tài khoản của bạn D2) chuyển trả cho L tiền lãi vay nóng trong 1,5 ngày là 4.500.000đồng. Hồi 20 giờ 23 phút ngày 21/9/2022, L dùng tiền cá nhân chuyển khoản trả cho anh L1 40.000.000đồng. Đến hồi 12 giờ 23 phút ngày 04/10/2022, chị D2 chuyển trả cho L 13.500.000đồng, gồm 10.000.000đồng tiền lãi của 30 ngày vay và 3.500.000 đồng tiền lãi trả trước của 10 ngày vay tiếp theo tính từ ngày 05/10/2022 đến ngày 15/10/2022. Tiền gốc 50.000.000đồng chị D2 chưa trả cho L.

Như vậy, tại khoản vay này chị D2 đã trả cho L số tiền lãi của 41,5 ngày vay là 18.000.000đồng, L được hưởng toàn bộ. Số tiền lãi chị D2 phải trả tối đa theo quy định của pháp luật 1.136.986 đồng, L đang quản lý. Số tiền L thu lợi bất chính 16.863.014 đồng.

- **Lần thứ 10:** Ngày 10/10/2022, chị D2 nhắn tin vay nóng của L 50.000.000đồng, thoả thuận vay trong thời hạn vay 01 ngày với tiền lãi 5.000.000đồng tương ứng với mức lãi suất 100.000 đồng/1triệu/1ngày và sẽ cắt trước tiền lãi 5.000.000đồng. Chị D2 đã đưa cho L 01 căn cước công dân số 037303001982

mang và 01 hộ chiếu số P00425094 cùng mang tên Trần Thị Mỹ D2 để làm tin. Tuy nhiên, để có đủ tiền cho chị D2 vay thì L đã bảo chị D2 mượn xe mô tô BKS 35K1-265.80, đăng ký xe mang tên Phạm Thuỳ D3 do anh Phạm Thanh P, sinh năm 2003, trú tại xã H, huyện K đang quản lý, sử dụng đưa cho L. Sau đó tại phường K, quận T, thành phố Hà Nội, L đem xe mô tô trên thế chấp cho Phạm Tiến L1 để L1 cho vay số tiền 35.000.000đồng với mức lãi suất 10.000 đồng/1triệu/1ngày, tương ứng 360%/năm, thời hạn vay 10 ngày. L1 đồng ý và cắt lãi trước số tiền lãi 3.500.000đồng, thống nhất sau này chị D2 thanh toán tiền gốc thì L1 sẽ chia cho L số tiền lãi tương ứng với tỷ lệ giữa L1 và L là 6:4. L1 chỉ biết L cho D2 vay với tổng số 35.000.000đồng, không biết việc D2 vay số tiền 50.000.000 đồng và trả với mức lãi suất 100.000đồng/1triệu/1ngày và sẽ cắt trước số tiền lãi 5.000.000đồng. Hồi 21 giờ 27 phút ngày 10/10/2022 L1 chuyển cho L 31.500.000đồng. Sau đó, L được chị D2 cảm ơn thêm 1.200.000đồng nên hồi 21 giờ 32 phút cùng ngày, L chuyển cho chị D2 43.800.000đồng. Số tiền gốc 50.000.000đồng chị D2 chưa trả cho L.

Như vậy, tại khoản vay này chị D2 đã trả cho L số tiền lãi của 01 ngày vay là 5.000.000đồng (L được hưởng toàn bộ). Số tiền lãi chị D2 phải trả tối đa theo quy định của pháp luật 27.397 đồng (L đang quản lý). Số tiền L thu lợi bất chính từ chị D2 4.972.603 đồng. Đối với số tiền 35.000.000đồng L1 cung cấp cho L. L1 thống nhất với L cho chị D2 vay với mức lãi suất 10.000đồng/1triệu/1ngày, thời hạn vay 10 ngày, L1 cắt lãi luôn số tiền 3.500.000đồng. Tuy nhiên do L không thực hiện việc cho D2 vay theo thống nhất với L1, do đó khoản vay này số tiền lãi L phải trả tối đa theo quy định của pháp luật cho L1 194.444đồng. Số tiền L1 thu lợi bất chính từ L 3.305.556 đồng.

Như vậy, trong khoảng thời gian từ ngày 21/12/2021 đến ngày 14/10/2022, Phạm Thành L đã cho chị Trần Thị Mỹ D2 vay 10 lần với tổng số tiền 470.000.000đồng, trong đó tiền lãi chị D2 phải trả cho L theo thỏa thuận là 129.540.000đồng, số tiền lãi chị D2 phải trả tối đa theo quy định của pháp luật là 8.901.368đồng. Do đó, số tiền L thu lợi bất chính là 120.638.632 đồng.

Trong thời gian từ tháng ngày 11/2/2022 đến ngày 18/7/2022 Nguyễn Thị H đã cung cấp cho Phạm Thành L tổng số tiền 270.000.000 đồng để cho chị D2 vay 07 lần tại các khoản vay số 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8 nêu trên với tổng số tiền thu lợi bất chính với vai trò giúp sức cho L là 80.753.699 đồng. H được hưởng lợi tổng số tiền 54.600.000đồng gồm: số lãi theo pháp luật được hưởng 4.147.017đồng và số tiền thu lợi bất chính được hưởng là 50.452.983 đồng.

Ngày 14/10/2022, chị Trần Thị Mỹ D2 trình báo với Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Ninh Bình. Cơ quan điều tra đã triệu tập Phạm Thành L để làm việc. Quá trình điều tra, Phạm Thành L đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Nguyễn Thị H không khai nhận hành vi phạm tội của bản thân.

- Tại Bản kết luận giám định số 164/KL-KTHS-KTS&ĐT ngày 13/02/2023 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Ninh Bình đối với chiếc điện thoại di động thu giữ của Phạm Thành L:

+ *Tìm thấy 03 (ba) dữ liệu tin nhắn iMessage, không tìm thấy dữ liệu tin nhắn SMS đã bị xóa giữa số điện thoại 03698882xx với số thuê bao trên điện thoại di động gửi giám định (08684548xx); không tìm thấy dữ liệu tin nhắn SMS, iMessage đã bị xóa giữa các số thuê bao 08797235xx, 09142726xx với số thuê bao trên điện thoại di động gửi giám định (08684548xx) từ ngày 01/12/2021 đến hết ngày 14/10/2022. Không tìm thấy dữ liệu tin nhắn Zalo đã bị xóa giữa tài khoản “Phạm Thành L” và tài khoản “Má Mi” đăng ký bởi số điện thoại 09142726xx lưu trữ trên điện thoại di động gửi giám định từ ngày 01/12/2021 đến hết ngày 14/10/2022.*

+ *Không tìm thấy dữ liệu tin nhắn Messenger đã bị xóa giữa các tài khoản “Trần Thị Mỹ D2”, “Phạm L1” với tài khoản “Phạm Thành L” lưu trữ trên điện thoại di động gửi giám định từ ngày 01/12/2021 đến hết ngày 14/10/2021.*

+ *Tìm thấy 3320 (ba nghìn ba trăm hai mươi) dữ liệu ảnh chụp màn hình lưu trữ trong máy điện thoại gửi giám định (chi tiết dữ liệu ảnh tìm thấy được thể hiện trong đĩa DVD-R gửi kèm theo kết luận giám định).*

+ *Kèm theo kết luận giám định gồm: 01 (một) đĩa DVD-R, màu vàng, nhãn hiệu Maxell, dung lượng 4,7GB lưu trữ 3320 (ba nghìn ba trăm hai mươi) dữ liệu ảnh”*

Kết quả xem xét, ghi nhận 3320 dữ liệu ảnh: Ngoài những dữ liệu ảnh đã được Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Ninh Bình chụp màn hình khi kiểm tra điện thoại của Phạm Thành L (đã in ra giấy A4), không còn dữ liệu ảnh nào liên quan đến vụ án.

- Tại Bản kết luận giám định số 235/KL-KTHS-KTS&ĐT ngày 15/02/2023 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Ninh Bình đối với chiếc điện thoại di động thu giữ của Phạm Thành L kết luận: *“Không tìm thấy dữ liệu tin nhắn Telegram đã bị xóa giữa tài khoản M với tài khoản đăng ký bằng số điện thoại 08684548xx lưu trữ trên điện thoại di động gửi giám định từ ngày 01/12/2021 đến hết ngày 15/10/2022”.*

- Tại các Bản kết luận giám định số 167/KL-KTHS-KTS&ĐT ngày 14/02/2023 và số 236/KL-KTHS-KTS&ĐT ngày 15/3/2023 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Ninh Bình đối với điện thoại di động của anh Phạm Tiến L1 kết luận:

+ *Không tìm thấy dữ liệu tin nhắn SMS, iMessage đã bị xóa giữa các số thuê bao 08684548xx, 09142726xx với số thuê bao trên điện thoại di động gửi giám định (03698882xx) từ ngày 01/12/2021 đến 15/10/2022.*

+ *Không tìm thấy dữ liệu tin nhắn Zalo đã bị xóa giữa tài khoản “Jimmy” và tài khoản “Phạm Thành L” đăng ký bởi số điện thoại 08684548xx lưu trữ trên điện*

thoại di động gửi giám định từ ngày 01/12/2021 đến hết ngày 15/10/2022.

+ Không tìm thấy dữ liệu tin nhắn Messenger đã bị xóa giữa các tài khoản “Trần Thị Mỹ D2”, “Phạm Thành L” với tài khoản “Phạm L1” lưu trữ trên điện thoại di động gửi giám định từ ngày 01/12/2021 đến hết ngày 15/10/2022.

- Tìm thấy 622 (sáu trăm hai mươi hai) dữ liệu ảnh chụp màn hình lưu trữ trong máy điện thoại gửi giám định (chi tiết dữ liệu ảnh tìm thấy được thể hiện trong đĩa DVD-R gửi kèm theo kết luận giám định).

Kèm theo kết luận giám định gồm: 01 (một) đĩa DVD-R, màu vàng, nhãn hiệu Maxell, dung lượng 4,7GB lưu trữ 622 (sáu trăm hai mươi hai) dữ liệu ảnh.

+ Không tìm thấy dữ liệu tin nhắn Telegram đã bị xóa giữa tài khoản đăng ký bằng số điện thoại 08684548xx với tài khoản “M” lưu trữ trên điện thoại di động gửi giám định từ ngày 01/12/2021 đến hết ngày 15/10/2022.

Kết quả xem xét, ghi nhận 622 dữ liệu ảnh: Không có dữ liệu ảnh nào liên quan đến vụ án.

- Tại Bản Kết luận giám định số 585/KL-KTHS-KTS&ĐT ngày 17/7/2023 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Ninh Bình đối với điện thoại di động của Nguyễn Thị Hà kết luận:

+ Tìm thấy 01 (một) dữ liệu tin nhắn iMessage giữa số thuê bao 08684548xx với số thuê bao trên điện thoại di động gửi giám định từ ngày 01/12/2021 đến nay.

+ Tìm thấy 1892 (một nghìn tám trăm chín mươi hai) dữ liệu tin nhắn zalo giữa tài khoản “L Con” đăng ký bởi số điện thoại 08684548xx với tài khoản “H D” lưu trữ trên điện thoại di động gửi giám định trong thời gian từ ngày 01/12/2021 đến nay.

(Chi tiết dữ liệu tin nhắn iMessage, tin nhắn zalo được thể hiện trong phụ lục được lưu trữ trong USB gửi kèm kết luận giám định).

+ Không tìm thấy dữ liệu tin nhắn SMS giữa số thuê bao 08684548xx với số thuê bao trên điện thoại di động gửi giám định từ ngày 01/12/2021 đến nay.

+ Tìm thấy 1736 (một nghìn bảy trăm ba mươi sáu) dữ liệu ảnh lưu trữ trên điện thoại di động gửi giám định (chi tiết dữ liệu ảnh được lưu trữ trong USB gửi kèm theo kết luận giám định).

Kèm theo kết luận giám định: 01 (một) USB màu bạc, nhãn hiệu Kingston dung lượng 16GB.

Kết quả xem xét, ghi nhận 1736 dữ liệu ảnh: không có nội dung liên quan đến vụ án; nội dung phụ lục tin nhắn phù hợp với diễn biến nội dung vụ án trên.

Cơ quan điều tra đã thu giữ của Phạm Thành L 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 Pro Max màu đen. Thu giữ của Nguyễn Thị H 01 điện thoại di động Iphone 8 Plus, màu đen. Thu giữ của Phạm Tiến L1 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone

11 Pro Max, màu xám và 01 xe mô tô nhãn hiệu HONDA SH MODE, màu sơn đỏ-đen, BKS: 35K1-265.80; 01 đăng ký xe mô tô BKS: 35K1-265.80 mang tên Phạm Thùy D3; 01 căn cước công dân số 037303001982 và 01 hộ chiếu số P00425094 cùng mang tên Trần Thị Mỹ D2.

Bản Cáo trạng số 65/CT-VKS-KS ngày 18/10/2023 Viện kiểm sát nhân dân huyện K truy tố bị cáo Phạm Thành L về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo khoản 2, khoản 3 Điều 201 Bộ luật Hình sự; truy tố bị cáo Nguyễn Thị Hà về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo khoản 1, khoản 3 Điều 201 Bộ luật Hình sự. Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát huyện K vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố như nội dung Cáo trạng và đề nghị HĐXX tuyên bố:

- Bị cáo Phạm Thành L phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo khoản 2, khoản 3 Điều 201; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Phạm Thành L từ 06 đến 09 tháng tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 12 tháng đến 18 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 30/11/2023). Giao bị cáo cho UBND phường N, thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Phạt bổ sung bị cáo số tiền 40.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng để sung vào ngân sách nhà nước.

- Bị cáo Nguyễn Thị Hà phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo khoản 1, khoản 3 Điều 201; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 36 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị H từ 09 đến 12 tháng cải tạo không giam giữ. Thời hạn chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ được tính từ ngày Cơ quan thi hành án hình sự Công an thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án. Giao bị cáo cho UBND phường N, thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với UBND phường N giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian cải tạo không giam giữ. Khấu trừ từ 05% đến 10% thu nhập hàng tháng của bị cáo trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ, để nộp ngân sách nhà nước. Phạt bổ sung bị cáo số tiền 35.000.000 đồng đến 45.000.000 đồng để sung vào ngân sách nhà nước.

- Về trách nhiệm dân sự: căn cứ Điều 48 Bộ luật Hình sự; Điều 357, 463 và Điều 468 Bộ luật Dân sự:

+ Buộc bị cáo Phạm Thành L trả lại số tiền lãi thu lợi bất chính hiện đang quản lý vượt quá 20% theo quy định của Bộ luật Dân sự là 67.391.117 đồng cho chị Trần Thị Mỹ D2.

+ Buộc bị cáo Nguyễn Thị H trả lại số tiền lãi thu lợi bất chính hiện đang quản lý vượt quá 20% theo quy định của Bộ luật Dân sự là 50.452.994 đồng cho chị Trần Thị Mỹ D2.

+ Buộc anh Phạm Tiến L1 trả lại số tiền lãi thu lợi bất chính hiện đang quản lý vượt quá 20% theo quy định của Bộ luật Dân sự là 2.794.521 đồng cho chị Trần Thị Mỹ D2 và 3.005.556 đồng cho bị cáo Phạm Thành L.

- Về xử lý vật chứng và các biện pháp tư pháp: áp dụng khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; khoản 2, khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

+ Tịch thu 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 Pro Max màu đen thu giữ của bị cáo L; 01 điện thoại di động Iphone 8 Plus, màu đen thu giữ của bị cáo H và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 Pro Max màu xám thu giữ của Phạm Tiến L1. Trả lại cho chị Trần Thị Mỹ D2 01 căn cước công dân số 037303001982 mang và 01 hộ chiếu số P00425094 đều mang tên chị D2.

+ Tịch thu bị cáo Phạm Thành L số tiền 44.548.872 đồng, sung ngân sách nhà nước (gồm 40.000.000 đồng tiền gốc mà bị cáo sử dụng vào việc cho vay lãi nặng mà chị D2 đã trả cho bị cáo và 4.548.872 đồng là tiền lãi theo quy định của pháp luật bị cáo đã thu của chị D2).

+ Tịch thu bị cáo Nguyễn Thị H số tiền 274.147.017 đồng, sung ngân sách nhà nước (gồm 270.000.000 đồng tiền gốc mà bị cáo sử dụng vào việc cho vay lãi nặng mà chị D2 đã trả cho bị cáo và 4.147.017 đồng là tiền lãi theo quy định của pháp luật bị cáo đã thu của chị D2).

+ Tịch thu anh Phạm Tiến L1 số tiền 20.399.923 đồng, sung ngân sách nhà nước (gồm 20.000.000 đồng tiền gốc sử dụng vào việc cho vay lãi nặng mà chị D2 đã trả và 399.923 đồng là tiền lãi theo quy định của pháp luật đã thu của chị D2 và L).

+ Tịch thu để sung ngân sách nhà nước số tiền 100.000.000 đồng là số tiền gốc chị Trần Thị Mỹ D2 đã vay bị cáo L nhưng chưa thanh toán.

Về án phí: áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, buộc các bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, bị cáo Phạm Thành L khai nhận đã thực hiện toàn bộ hành vi nêu trên. Bị cáo, người liên quan không tranh luận với luận tội của đại diện Viện kiểm sát. Lời nói sau cùng bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm một phần hình phạt.

Tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Thị H nhận thức được hành vi phạm tội của mình và thành khẩn khai báo. Bị cáo không tranh luận với luận tội của đại diện Viện kiểm sát. Lời nói sau cùng bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm một phần hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, tội danh và điều luật áp dụng:

Lời khai của bị cáo Phạm Thành L tại phiên tòa phù hợp với lời khai của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án, phù hợp với đơn tố giác của chị Trần Thị Mỹ D2 và phù hợp với nội dung sao kê ngân hàng các lần giao dịch chuyển, nhận tiền giữa các bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, còn được chứng minh qua các tin nhắn có trong điện thoại thu giữ của bị cáo và người liên quan. Như vậy, có đủ căn cứ kết luận: trong khoảng thời gian từ ngày 21/12/2021 đến ngày 14/10/2022, bị cáo L đã cho chị Trần Thị Mỹ D2 vay 10 lần với tổng số tiền 470.000.000đồng theo các mức lãi suất 7.000đồng/1 triệu/1 ngày, tương ứng 252%/1 năm; 8.000 đồng/1triệu/1ngày tương ứng 288%/1năm; 40.000đồng/1triệu/1ngày (tương ứng 1440%/1năm); 60.000đồng/1triệu/1ngày tương ứng 2.160%/1năm và 100.000đồng/ triệu/1 ngày tương ứng 3.600%/1năm. Số tiền bị cáo L cho vay đều cao hơn gấp 05 lần mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự, bị cáo L thu lợi bất chính số tiền 120.638.632 đồng.

Đối với bị cáo Nguyễn Thị H, quá trình điều tra, truy tố bị cáo chưa nhận thức đầy đủ được hành vi của mình là vi phạm pháp luật và cho rằng mình không phạm tội. Tuy nhiên, trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa bị cáo đã nhận thức được và thành khẩn khai báo về 07 lần cung cấp tổng số tiền 270.000.000 đồng để bị cáo L cho chị D2 vay tại các khoản lần thứ 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8 nêu trên và cùng bị cáo L thu lợi bất chính tổng số tiền 80.753.699 đồng là vi phạm pháp luật hình sự. Hành vi của Nguyễn Thị H là đồng phạm với vai trò giúp sức cho bị cáo L.

Đối chiếu với quy định của pháp luật hình sự thấy hành vi, tội danh và điều khoản áp dụng tại Cáo trạng, lời luận tội, các chứng cứ buộc tội các bị cáo như Kiểm sát viên trình bày tại phiên tòa là có căn cứ. Hội đồng xét xử đủ cơ sở kết luận các bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự biết được việc làm của mình là vi phạm pháp luật nhưng vì mục đích kiếm tiền và thu lợi bất chính nên các bị cáo vẫn cố tình thực hiện, hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những trực tiếp xâm phạm trật tự quản lý kinh tế của Nhà nước trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, còn gây bất bình trong quần chúng nhân dân. Hành vi của các bị cáo đã phạm tội: “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” được quy định tại Điều 201 Bộ luật Hình sự. Đối với bị cáo L do số tiền bị cáo thu lợi bất chính hơn 100.000.000 đồng nên bị cáo phải chịu tình tiết định khung tăng nặng được quy định tại khoản 2 Điều 201 Bộ luật Hình sự. Còn bị cáo H số tiền bị cáo thu lợi bất chính dưới 100.000.000 đồng, nên hành vi phạm tội của bị cáo được quy định tại khoản 1 Điều 201 Bộ luật Hình sự.

“Điều 201. Tội cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự

1. Người nào trong giao dịch dân sự mà cho vay với lãi suất gấp 05 lần trở lên của mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự, thu lợi bất chính từ

30.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 đồng hoặc đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc đã bị kết án về tội này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng hoặc phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm.

2. Phạm tội mà thu lợi bất chính 100.000.000 đồng trở lên, thì bị phạt tiền từ 200.000.000 đồng đến 1.000.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

3. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm”.

Do vậy, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện K truy tố các bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, cũng như vị trí, vai trò của các bị cáo: đây là vụ án có hai bị cáo tham gia, nhưng là vụ án đồng phạm giản đơn. Khi xem xét, quyết định hình phạt cũng cần phân tích đánh giá tính chất, vai trò, vị trí của từng bị cáo để cá thể hóa mức hình phạt cho phù hợp.

Đối với bị cáo Phạm Thành L: bị cáo không có tiền án, tiền sự. Tuy nhiên, bị cáo là người khởi xướng và trực tiếp huy động tiền, thực hiện các giao dịch đối với chị D2; trực tiếp phân phối lợi ích do hành vi trái pháp luật mà có. Do vậy, bị cáo L giữ vai trò chính, phải chịu mức hình phạt tương xứng hành vi phạm tội của mình. Quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, đây là các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Đối với bị cáo Nguyễn Thị H: bị cáo không có tiền án, tiền sự. Quá trình điều tra, truy tố bị cáo chưa nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật hình sự. Tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo và thừa nhận hành vi vi phạm pháp luật của mình. Như vậy, có cơ sở khẳng định bị cáo là người cung cấp tiền cho bị cáo L thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo cũng được hưởng lợi từ việc phạm tội của bị cáo L, nên bị cáo là đồng phạm với vai trò giúp sức trong vụ án và phải chịu mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của mình. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Về tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; bị cáo có bố đẻ là người có công với cách mạng được Nhà nước tặng thưởng huân, huy chương, đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, cần xem xét áp dụng cho bị cáo.

Hội đồng xét xử xét thấy, trong những năm gần đây Đảng và Nhà nước đang quyết liệt chỉ đạo xử lý nghiêm đối với các hành vi liên quan đến cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự. Do đó, cần phải xử lý nghiêm minh trước pháp luật. Sau khi

đổi chiếu về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, vị trí, vai trò cũng như nguyên nhân và điều kiện phạm tội, thì hành vi phạm tội của các bị cáo nhằm mục đích vụ lợi. Xét bị cáo Phạm Thành L có nhân thân tốt, tuổi đời còn trẻ, hiện là sinh viên, có nơi cư trú rõ ràng và có thể tự cải tạo được, đủ điều kiện áp dụng Điều 65 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo, nên không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà xử phạt tù cho hưởng án treo cũng giúp bị cáo sửa chữa trở thành người công dân có ích cho gia đình và xã hội, tạo điều kiện cho bị cáo được tiếp tục học tập, thể hiện sự khoan hồng của pháp luật đối với bị cáo.

Đối với bị cáo Nguyễn Thị H, có nhân thân tốt, hành vi phạm tội của bị cáo thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bị cáo có bổ để là người có công với cách mạng. Trong vụ án này bị cáo có vai trò là đồng phạm giúp sức, có nơi cư trú rõ ràng và có thể tự cải tạo được, nên xử phạt bị cáo bằng hình phạt cải tạo không giam giữ, khấu trừ một phần thu nhập đối với bị cáo cũng đủ sức răn đe, giáo dục bị cáo thành người công dân biết tuân thủ pháp luật.

[4] Về hình phạt bổ sung: Hội đồng xét xử xét thấy, hành vi của các bị cáo nhằm mục đích vụ lợi, do đó ngoài hình phạt chính cần phạt bổ sung bằng tiền đối với các bị cáo là phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 201 Bộ luật Hình sự.

[5] Về trách nhiệm dân sự: căn cứ Điều 48 Bộ luật Hình sự; Điều 357, 463 và Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Buộc bị cáo Phạm Thành L trả lại số tiền lãi thu lợi bất chính hiện đang quản lý vượt quá 20% theo quy định của Bộ luật Dân sự là 67.391.117 đồng cho chị Trần Thị Mỹ D2.

Buộc bị cáo Nguyễn Thị H trả lại số tiền lãi thu lợi bất chính hiện đang quản lý vượt quá 20% theo quy định của Bộ luật Dân sự là 50.452.994 đồng cho chị Trần Thị Mỹ D2.

Buộc anh Phạm Tiến L1 trả lại số tiền lãi thu lợi bất chính hiện đang quản lý vượt quá 20% theo quy định của Bộ luật Dân sự là 2.794.521 đồng cho chị Trần Thị Mỹ D2 và 3.005.556 đồng cho bị cáo Phạm Thành L.

[6] Về xử lý vật chứng và các biện pháp tư pháp:

Đối với 01 xe mô tô BKS 35K1-265.80 và 01 đăng ký xe mô tô số 35001426 thuộc sở hữu của chị Phạm Thùy D3, sinh năm 1996; trú tại: xóm 12, xã K, huyện K. Cơ quan CSĐT Công an huyện K đã trả lại chiếc xe kèm theo giấy tờ cho anh Phạm Thanh P, sinh năm 2003, trú tại xã H, huyện K, là em trai chị D3 là đúng quy định pháp luật.

Đối với 01 căn cước công dân số 037303001982 và 01 hộ chiếu số P00425094 cùng mang tên Trần Thị Mỹ D2. Đây là giấy tờ tùy thân của chị Trần Thị Mỹ D2, nên trả lại cho chị Trần Thị Mỹ D2.

Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 Pro Max màu đen thu giữ của bị cáo L; 01 điện thoại di động Iphone 8 Plus, màu đen thu giữ của bị cáo H và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 Pro Max, màu xám thu giữ của anh Phạm Tiến L1. Đây là phương tiện các bị cáo và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án sử dụng vào việc phạm tội, nên cần tịch thu sung ngân sách nhà nước.

Đối với số tiền 44.548.872 đồng, trong đó: 40.000.000 đồng tiền gốc (khoản vay số 1, số 6) và số tiền 4.548.872 đồng là tiền lãi theo quy định của pháp luật, chị D2 đã thanh toán cho bị cáo L, hiện bị cáo L đang quản lý. Đây là tiền sử dụng vào việc phạm tội và tiền do phạm tội mà có, cần tịch thu sung ngân sách nhà nước.

Đối với số tiền 274.147.017 đồng, trong đó: 270.000.000 đồng tiền gốc (khoản vay số 3, 4, 5, 6, 7, 8) và số tiền 4.147.017 đồng là tiền lãi theo quy định của pháp luật, chị D2 đã thanh toán cho bị cáo L, bị cáo L đã chuyển tiền cho bị cáo Hà, bị cáo H đang quản lý. Đây là tiền sử dụng vào việc phạm tội và tiền do phạm tội mà có, cần tịch thu sung ngân sách nhà nước.

Đối với số tiền 20.399.923 đồng, trong đó: 20.000.000 đồng tiền gốc (khoản vay số 1) và số tiền 399.923 đồng là tiền lãi theo quy định của pháp luật, chị D2 đã thanh toán cho bị cáo L, bị cáo L đã chuyển tiền cho anh Phạm Tiến L1, anh L1 đang quản lý. Đây là tiền sử dụng vào việc phạm tội và tiền do phạm tội mà có, cần tịch thu sung ngân sách nhà nước.

+ Đối với số tiền 100.000.000 đồng là số tiền gốc chị Trần Thị Mỹ D2 đã vay bị cáo L ở khoản vay số 9, số 10 nhưng chưa thanh toán. Đây là tiền sử dụng vào việc phạm tội, cần tịch thu sung ngân sách nhà nước.

[7] Về các vấn đề khác:

Trong vụ án này, đối với khoản vay thứ 1 ngày 21/12/2021 Phạm Tiến L1 biết L cho D2 vay tiền, cung cấp số tiền 20.000.000 đồng để L cho D2 vay với mức lãi xuất 8.000 đồng/1 triệu/1 ngày, đây là hành vi giúp sức cho Phạm Thành L. Bản thân L1 không biết L cho D2 vay tổng số tiền 40.000.000 đồng. Do đó số tiền thu lợi bất chính L1 phải chịu trách nhiệm hình sự trên số tiền 20.000.000 đồng cho vay là 4.471.233 đồng, là chưa đủ yếu tố cấu thành tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” được quy định tại Điều 201 Bộ luật Hình sự. Tuy nhiên, hành vi vi phạm của L1 tại khoản vay này đã hết thời hiệu ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính nên Cơ quan điều tra không đề nghị cơ quan Nhà nước có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính hoặc buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả đối với hành vi trên của L1.

Đối với khoản vay lần thứ 9 vào ngày 04/9/2022, để có tiền cho D2 vay, L đã nói dối và vay của Phạm Tiến L1 số tiền 40.000.000 đồng để buôn bán quần áo, không tính lãi suất. Bản thân L1 không biết việc L cho D2 vay lãi nặng, không được hưởng lợi ích gì ở khoản vay này. Do đó hành vi này của L1 không vi phạm pháp

luật.

Đối khoản vay lần thứ 10 vào ngày 10/10/2022, bản thân L1 biết việc L cho D2 vay tiền và thoả thuận với L cho D2 vay số tiền 35.000.000đồng với mức lãi suất 10.000đồng/1triệu/1ngày, tương ứng 360%/năm, thời hạn vay 10 ngày. L1 cắt lãi trước số tiền lãi là 3.500.000đồng, thống nhất khi chị D2 thanh toán tiền gốc thì L1 sẽ chia cho L số tiền lãi tương ứng với tỷ lệ giữa L1 và L là 6:4. Tuy nhiên L không theo thoả thuận của L1 mà cho D2 vay tổng số tiền 50.000.000đồng theo mức lãi suất 100.000đồng/triệu/1ngày tương ứng 3.600%/ năm, thời hạn vay 01 ngày và hưởng lợi số tiền 5.000.000đồng, hành vi của L1 và L là độc lập với nhau. Do đó, số tiền L1 thu lợi bất chính từ L trong khoản vay 35.000.000đồng này là 3.305.556đồng chưa đủ yếu tố cấu thành tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” quy định tại Điều 201 Bộ luật Hình sự. Do đó Cơ quan điều tra đã chuyển phần tài liệu liên quan đến Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận T, thành phố Hà Nội (là nơi xảy ra hành vi vi phạm), đề nghị xem xét xử phạt hành chính đối với Phạm Tiến L1 theo quy định.

Đối với anh Phạm Thanh P (là bạn L) đồng ý cho L và chị D2 mượn xe mô tô BKS: 35K1-265.80 kèm theo đăng ký xe để chị D2 cầm cố vay tiền L1. Bản thân anh P chỉ biết L và D2 mượn xe mô tô trong khoảng thời gian từ 1 - 2 ngày để vay tiền, không biết vay của ai, cụ thể như thế nào. Mặt khác anh P không được hưởng lợi ích gì, nên hành vi của anh P không vi phạm pháp luật.

[6] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Phạm Thành L không có ý kiến hoặc khiếu nại gì; bị cáo Nguyễn Thị H đã khiếu nại Quyết định khởi tố bị cáo số 22/QĐ-ĐĐTTH ngày 06/4/2023 của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện K. Tại Quyết định giải quyết khiếu nại số 01/QĐ-VKS ngày 19/4/2023 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện K đã quyết định bác khiếu nại của bị cáo và giữ nguyên Quyết định khởi tố bị cáo số 22/QĐ-ĐĐTTH ngày 06/4/2023 của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện K. Bị cáo H không có ý kiến gì khác. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[7] Về án phí: các bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 34; Điều 45; khoản 2, khoản 3 Điều 106; khoản 2 Điều 136; Điều 254; Điều 299 và Điều 326 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Căn cứ khoản 2, khoản 3 Điều 201; điểm i, s khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 47, Điều 48, Điều 58 và Điều 65 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Phạm Thành L.

Căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 201; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 36, khoản 1 Điều 47, Điều 48, Điều 58 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Nguyễn Thị H.

Căn cứ vào các Điều 357, 463 và Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố: bị cáo **Phạm Thành L** và bị cáo **Nguyễn Thị H** phạm tội “**Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự**”.

1.1. Xử phạt bị cáo Phạm Thành L **06 (sáu)** tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 12 tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 30 tháng 11 năm 2023). Giao bị cáo Phạm Thành L cho Ủy ban nhân dân phường N, thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân phường N, thành phố N, tỉnh Ninh Bình trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Phạt bổ sung bị cáo Phạm Thành L số tiền 40.000.000 đồng (bốn mươi triệu đồng) để sung vào ngân sách Nhà nước.

1.2. Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị H **09 (chín)** tháng cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày Cơ quan thi hành án hình sự Công an thành phố N, tỉnh Ninh Bình nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án. Giao bị cáo cho UBND phường N, thành phố N, tỉnh Ninh Bình giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với UBND phường N giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian cải tạo không giam giữ.

Khấu trừ 05% thu nhập hàng tháng của bị cáo trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ, để nộp ngân sách nhà nước.

Phạt bổ sung bị cáo Nguyễn Thị H số tiền 30.000.000 (ba mươi triệu) đồng, để nộp vào ngân sách Nhà nước.

2. Về trách nhiệm dân sự:

Buộc bị cáo Phạm Thành L trả lại số tiền 67.391.117 đồng cho chị Trần Thị Mỹ D2.

Buộc bị cáo Nguyễn Thị H trả lại số tiền 50.452.994 đồng cho chị Trần Thị Mỹ D2.

Buộc anh Phạm Tiến L1 trả lại số tiền 2.794.521 đồng cho chị Trần Thị Mỹ D2 và số tiền 3.005.556 đồng cho bị cáo Phạm Thành L.

Kể từ ngày bản án có hiệu L1 pháp luật và người được thi hành án có đơn đề nghị thi hành án, nếu người phải thi hành án không thi hành khoản tiền phải thi hành án thì hàng tháng còn phải chịu thêm khoản tiền lãi đối với số tiền chậm thi hành án tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự.

3. Về xử lý vật chứng và các biện pháp tư pháp:

Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 Pro Max màu đen thu giữ của bị cáo L; 01 điện thoại di động Iphone 8 Plus, màu đen thu giữ của bị cáo H và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 Pro Max, màu xám thu giữ của anh Phạm Tiến L1.

Trả lại cho chị Trần Thị Mỹ D2 01 căn cước công dân số 037303001982 và 01 hộ chiếu số P00425094 đều mang tên Trần Thị Mỹ D2.

Tịch thu bị cáo Phạm Thành L số tiền 44.548.872 đồng, để sung vào ngân sách nhà nước.

Tịch thu bị cáo Nguyễn Thị H số tiền 274.147.017 đồng, để thu sung vào ngân sách nhà nước.

Tịch thu anh Phạm Tiến L1 số tiền 20.399.923 đồng, để sung vào ngân sách nhà nước.

Tịch thu chị Trần Thị Mỹ D2 số tiền 100.000.000 đồng, để sung vào ngân sách nhà nước.

(Chi tiết vật chứng như biên bản giao nhận vật chứng lập ngày 10/11/2023 giữa cơ quan CSĐT công an huyện K với Chi cục THADS huyện K)

4. Về án phí: buộc các bị cáo Phạm Thành L, Nguyễn Thị H mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi

hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND huyện K;
- VKSND tỉnh Ninh Bình;
- Công an huyện K;
- THADS huyện K;
- Bị cáo; người liên quan;
- Lưu hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Hoàng Ngọc Hưng